

Bản án số: **48/2021/HNGĐ-ST**

Ngày 21/12/2021

“V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - TỈNH NINH BÌNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà : Ông Hoàng Ngọc Hưng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Xuân Dự

Ông Ngô Gia Khánh

Thư ký phiên toà: Ông Phạm Văn Thành - Thư ký Toà án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa: Ông Ninh Trọng Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 21/12/2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 156/2021/TLST-HNGĐ ngày 12/10/2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2021/QĐST-HNGĐ ngày 03/12/2021 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Nguyễn Đức L, sinh năm 1983; nơi cư trú: Thôn T, xã Cam P, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa

- **Bị đơn:** Chị Trần Thị Thúy H, sinh năm 1985; nơi ĐKKHKT: Số 1 H, phường A, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk. Chỗ ở hiện nay: Xóm 11, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình

(Anh L, chị H đều có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai anh Nguyễn Đức L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Trần Thị Thúy H quê ở K, Ninh Bình quen biết nhau khi đi làm ăn trong miền nam, được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, thị xã C, tỉnh Khánh Hòa (nay là thành phố C) vào ngày 31/5/2005. Sau khi kết hôn, vợ chồng về sống và làm ăn cùng gia đình nhà anh L tại xã C, thành phố C. Vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong làm ăn kinh tế cũng như trong sinh hoạt gia đình, chính vì thế nên vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Đến cuối năm 2006, để thay đổi cuộc sống, vợ chồng chuyển lên thị xã B, tỉnh Đắk Lắk sinh sống được mấy năm lại phát sinh mâu thuẫn. Sau khi mâu thuẫn xảy

ra trầm trọng thì đến năm 2012 chị H đã đưa con bỏ về nhà bố mẹ đẻ chị H ở xóm 11, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình để ở cho đến nay. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân thì có một vài lần anh L liên lạc với chị H đề động viên chị H quay về đoàn tụ, nhưng chị H nhất quyết không về và từ đó anh chị không liên hệ gì với nhau nữa. Vì vậy, anh L đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Trần Thị Thúy H để hai bên còn ổn định cuộc sống.

- Về quan hệ con chung: Anh L và chị H có 01 con chung là cháu Nguyễn Đức B, sinh ngày 10/6/2006. Hiện nay cháu đang ở với chị H tại huyện K, tỉnh Ninh Bình. Khi ly hôn do cháu đang ở với chị H, nên anh L đề nghị chị H tiếp tục nuôi dưỡng cháu, anh không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị H.

- Về tài sản chung và công nợ chung: Anh L và chị H sẽ tự thỏa thuận giải quyết với nhau. Nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai chị Trần Thị Thúy H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Đức L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, thị xã C, tỉnh Khánh Hòa vào ngày 31/5/2005 là quê anh L. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống và làm ăn cùng gia đình nhà chồng tại xã C, thành phố C được khoảng 1 năm thì vợ chồng chuyển lên Đắk Lắk sinh sống và làm ăn ở đó. Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, năm 2006 sau khi chị sinh con thì vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn do anh L không quan tâm đến gia đình, ham chơi, chị nhắc nhở thì anh L quay ra chửi mắng chị, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, vợ chồng ít quan tâm đến nhau việc ai người ấy làm, đến khoảng đầu năm 2012 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn lớn, do không thể chấp nhận được lối sống của anh L nên mẹ con chị đã về quê tại huyện K, tỉnh Ninh Bình để ở, sau đó chị được biết anh L cũng về nhà bố mẹ đẻ anh ấy tại thị xã C, tỉnh Khánh Hòa để ở. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân anh L không hề quan tâm gì đến mẹ con chị, mình chị phải lặn lội buôn bán bắc nam để có tiền nuôi con. Nay anh L có đơn xin ly hôn, chị H xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, sống ly thân nhau đã lâu, bản thân chị cũng không còn tình cảm gì với anh L nữa, nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị H và anh L có 01 con chung là cháu Nguyễn Đức B, sinh ngày 10/6/2006. Hiện nay cháu đang ở với chị và học tại huyện K, tỉnh Ninh Bình. Khi ly hôn chị H xin được tiếp tục nuôi dưỡng cháu và không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng nuôi con cho chị.

Về tài sản và nợ chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh của Tòa án, chính quyền địa phương xã C, huyện K cung cấp: Chị H là người địa phương có kết hôn với anh Nguyễn Đức L là người xã C, tỉnh Khánh Hòa vào năm 2005. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị ấy sống tại tỉnh K, do mâu thuẫn vợ chồng xảy ra nên chị H chuyển về xóm 11, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình ở khoảng hơn 10 năm nay, từ khi mâu thuẫn vợ chồng xảy ra thì anh chị

ấy không liên lạc gì với nhau. Về con chung: Vợ chồng anh chị ấy có 01 con chung là cháu Nguyễn Đức B, sinh năm 2006, hiện cháu B đang ở cùng chị H hơn 10 năm nay và đang học tại Trung tâm giáo dục thường xuyên huyện K. Về công việc thì cả chị H và anh L đều là lao động tự do nên thu nhập thế nào địa phương không nắm được.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký tòa án, Hội đồng xét xử (HĐXX) đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền, nghĩa vụ của mình. Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xử cho anh L ly hôn chị H; Giao con chung là Nguyễn Đức B, sinh ngày 10/6/2006 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng; anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H, anh L có quyền thăm nom con chung. Anh L phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu có tại hồ sơ cũng như kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là quan hệ tranh chấp về “Hôn nhân và gia đình” quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chị Trần Thị Thúy H, sinh năm 1985; hiện đang cư trú: Xóm 11, xã C, huyện K, tỉnh Ninh Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, cả nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại điểm khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Đức L và chị Trần Thị Thúy H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được tự do tìm hiểu, không bị ai lừa dối hay ép buộc và có đăng ký kết hôn vào ngày 31/5/2005 tại UBND xã C, thị xã C, tỉnh Khánh Hòa (nay là thành phố C). Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình, thì vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, nhưng giữa anh L và chị H không đồng quan điểm trong sinh hoạt cũng như trong làm ăn kinh tế dẫn đến chung sống với nhau được một thời gian đã phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân nhau 10 năm, nguyên nhân chủ yếu là do anh L ham chơi, không quan tâm gì đến gia đình. Chị H động viên khuyên bảo anh L nhiều lần nhưng anh L vẫn không thay đổi, dẫn đến vợ

chồng không có tiếng nói chung, việc ai người ấy làm, bản thân cả hai anh chị đều không có biện pháp nào khắc phục mâu thuẫn vợ chồng. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho anh Nguyễn Đức L được ly hôn chị Trần Thị Thúy H là phù hợp.

[3] Về con chung: Anh L, chị H có một con chung là cháu Nguyễn Đức B, sinh ngày 10/6/2006, hiện nay cháu đang ở với chị H và học phổ thông tại huyện K, tỉnh Ninh Bình. Chị H có nguyện vọng nuôi con và không yêu cầu anh L phải cấp dưỡng; ý kiến của anh L về con chung là khi ly hôn, con chung sẽ giao cho chị H nuôi, anh L không phải cấp dưỡng. Ý kiến cháu B có nguyện vọng được ở với mẹ, vì hiện nay cháu đang học phổ thông tại huyện K. Hội đồng xét xử xét thấy chị H có nguyện vọng tiếp tục được nuôi dưỡng con chung, anh L cũng đề nghị chị H trực tiếp nuôi dưỡng con chung, đồng thời phù hợp với nguyện vọng của cháu B. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, giao cháu B cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi, anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H là phù hợp với ý chí cả cả hai bên và đúng với nguyện vọng của con chung.

[4] Về tài sản và nợ chung: Anh L, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Anh L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 19; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Nguyễn Đức L và chị Trần Thị Thúy H.
2. Về nuôi con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Đức B, sinh ngày 10/6/2006 cho chị Trần Thị Thúy H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H, anh L có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở và không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị H. Khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Đức L phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0004428 ngày 12/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K; anh L đã nộp đủ.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh NB;
- VKS huyện K;
- THADS huyện K;
- UBND xã C, TP C, Khánh Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu.

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Hoàng Ngọc Hưng